

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS-PT
Ngày 22- 02 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Trúc Phương

Ông Lê Thành Tôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Đỗ Trung Đền,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào các ngày 21, 22 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 37H lô B, ấp H, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: 139/8, ấp H, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2021).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Nguyệt T, sinh năm 1982.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Thanh H, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số 418A, khóm T, phường Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, anh H là: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp Lợi An, xã Th, huyện M, Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 06/02/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T, anh H là: Luật sư Lê Văn L – Văn phòng Luật sư Phạm Minh T chi nhánh huyện Tháp Mười.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Nguyệt T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày:

Ngày 26/3/2020, bà H cho chị T, anh H vay số tiền là 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), để kinh doanh xăng dầu, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, khi nào trả vốn sẽ trả lãi, không thỏa thuận thời hạn, không thế chấp tài sản.

Đến ngày 10/02/2021 chị T, anh H vay thêm 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), để trả tiền cho nhân viên.

Tổng cộng bà H cho chị T, anh H vay 02 lần số tiền 3,2 tỷ đồng, việc vay tiền có làm biên nhận ngày 10/02/2021 do chị T viết và ký ghi họ tên. Trong biên nhận không thể hiện lãi suất và thời hạn trả, nhưng chị T, anh H có hẹn sau tết Nguyên Đán năm 2021 sẽ trả số tiền vốn, lãi cho bà H. Tuy nhiên, từ ngày vay tiền, chị T và anh H không trả vốn, lãi cho bà H lần nào.

Việc giao nhận tiền do chị T trực tiếp vay nhận tiền của bà H nên anh H không có ký tên trong biên nhận. Tuy nhiên, chị T, anh H là vợ chồng và chị T vay tiền để phục vụ việc kinh doanh xăng dầu nên bà H yêu cầu anh H liên đới. Về chứng cứ chứng minh anh H có vay nhận tiền của bà H thì bà H không có chứng cứ chứng minh.

Nay bà H yêu cầu chị T và anh H liên đới trả lại cho bà H số tiền vốn vay là 3.200.000.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) và lãi suất 0,83%/tháng cụ thể như sau:

Số tiền 3.000.000.000đ tạm tính từ ngày 26/3/2020 đến ngày 26/7/2022 là 28 tháng: $3.000.000.000đ \times 0,83\% \times 28 \text{ tháng} = 697.200.000 \text{ đồng}$.

Số tiền 200.000.000đ tạm tính từ ngày 10/02/2021 đến ngày 10/7/2022 là 17 tháng: $200.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 28.220.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn, lãi là 3.925.420.000 đồng.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Nguyệt T: Mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị T, nhưng chị T không có văn bản trình bày ý kiến và không đến tham dự phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh H trình bày:

Anh H là chồng của chị Nguyễn Nguyệt T, hiện anh H và chị T đang sinh sống tại địa chỉ: 418A, khóm Tân Mỹ, phường T, thành phố S, Đồng Tháp.

Còn bà Đoàn Thị H là ai anh H không biết và anh H không có vay tiền của bà H cũng như chị T có vay tiền của bà H hay không thì anh H không biết, không có liên quan và không đồng ý liên đới trách nhiệm trả tiền cho bà H.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị H về việc yêu cầu chị Nguyễn Nguyệt T, anh Đỗ Thanh H liên đới trách nhiệm trả số tiền vốn, lãi là 3.925.420.000 đồng.

- Buộc chị Nguyễn Nguyệt T trả cho bà Đoàn Thị H số tiền vốn 3.200.000.000 đồng và lãi 725.420.000 đồng. Tổng cộng, vốn và lãi 3.925.420.000 đồng (Ba tỷ, chín trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2022 chị Nguyễn Nguyệt T kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Chị T yêu cầu xem xét, xử lý lại bản án mà Tòa án nhân dân thành phố S đã tuyên theo thẩm quyền và đúng quy định pháp luật vì chị không quen biết và không vay tiền của bà Đoàn Thị H. Kết luận giám định số 601/KL-KHHS ngày 20/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp không đúng sự thật và không đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ng là người đại diện theo ủy quyền của chị T, anh H là trình bày: Chị T và anh H yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chị Nguyễn Minh Tổ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà H không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm về phần lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Nguyệt T nộp đúng hạn luật định nên kháng cáo của chị được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Nguyệt T không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà H tiền vốn 3.200.000.000 đồng và lãi 725.420.000 đồng.

Về tiền vốn: Bà H trình bày từ ngày 26/3/2020 bà cho chị T, anh H vay tiền cho đến nay thì chị T, anh H không có trả vốn hay đóng lãi cho bà nên nay bà H yêu cầu chị T, anh H trả cho bà H tiền vốn 3,2 tỷ đồng và tiền lãi 725.420.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày không có quen biết bà H nên không có vay tiền của bà H nên không đồng ý yêu cầu của bà H. Xét thấy, theo biên nhận ngày 10/02/2021 thể hiện bà H cho chị T mượn số tiền 03 tỷ đồng thay thế của biên nhận ngày 26/3/2020 và ngày 10/02/2021 bà H cho chị T mượn thêm 200.000.000đồng. Tổng cộng bà H cho chị T mượn số tiền 3.200.000.000đồng. Tại kết luận giám định số 601/KL-KTHS ngày 20/7/2022 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Nguyệt T trên biên nhận ngày 10/02/2021 so với các chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Nguyệt T trên các tài liệu mẫu từ M1 đến M12 do cùng một người ký, viết ra. Bị đơn không thừa nhận biên nhận ngày 10/02/2021 do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày là có căn cứ và tại phiên tòa phúc thẩm chị T cũng không yêu cầu giám định lại chữ ký và chữ viết họ tên trên biên nhận ngày 10/02/2021 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lập luận này của bị đơn.

Ngoài ra bị đơn cho rằng từ trước đến nay không nhận được bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm xong có tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự, hơn nữa theo xác nhận ngày 19/8/2022 của Công an phường Đ xác nhận tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án thì chị Nguyễn Nguyệt T, anh Đỗ Thanh H có mặt và sinh sống tại địa chỉ 418A, khóm Tân Mỹ, phường Đ, thành phố S, Đồng Tháp và theo biên bản ghi lời khai anh Đỗ Thanh H ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S thì cũng xác định anh và chị T đang sinh sống tại địa chỉ trên. Do đó khi Tòa án sơ thẩm xét xử xong bị đơn có nhận được niêm yết bản án sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S và có đơn kháng cáo là sự thật. Tại phiên tòa phúc thẩm chị T cũng thừa nhận có nhận trễ các tài liệu Tòa án thành phố S đã niêm yết. Như vậy có căn cứ xác định Tòa án sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T, anh H do đó lời trình bày này của chị T, anh H tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với Kết luận giám định số 601/KL-KTHS ngày 20/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp thực hiện giám định dựa trên các văn bản có các mẫu chữ ký, viết của chị Nguyễn Nguyệt T được Tòa án sơ thẩm thu thập tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lưu giữ là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử căn cứ Kết luận giám định số 601/KL-KTHS ngày 20/07/2022 để buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn 3.200.000.000 đồng là có căn cứ.

Về tiền lãi: Nguyên đơn trình bày khi bị đơn vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không ghi trong biên nhận ngày 10/02/2021 và lời trình bày này không được bị đơn thừa nhận nhưng nguyên

đơn không có chứng cứ nào chứng minh, nguyên đơn cũng thừa nhận bị đơn không thỏa thuận kỳ hạn trả vốn nên theo biên nhận ngày 10/02/2021 bà H cho chị T vay cũng không ghi thời hạn trả vốn, do đó có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay không có thời hạn và không có thỏa thuận lãi suất theo Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo khoản 1 Điều 469 BLDS 2015 quy định: “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau biết trước một thời gian hợp lý...*”. Đối chiếu với quy định này thì nguyên đơn không chứng minh được có thông báo yêu cầu bị đơn trả nợ là ngày nào và đến ngày này bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn, do đó không xác định được bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày nào nên không có căn cứ buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn từ ngày cho vay theo bản án sơ thẩm đã xác định. Do đó Tòa án sơ thẩm xét xử áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn từ ngày cho vay là 725.420.000đồng là chưa đúng quy định pháp luật nên cần sửa phần yêu cầu tiền lãi này của nguyên đơn. Do không xác định được ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào ngày Tòa án sơ thẩm niêm yết thông báo thụ lý vụ án sơ thẩm là ngày bị đơn nhận thông báo yêu cầu trả nợ của nguyên đơn là ngày 03/3/2022 để tính lãi là phù hợp, nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền 3.000.000.000đồng đến ngày 26/7/2022 và 200.000.000đồng đến ngày 10/7/2022. Như vậy tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

$3.000.000.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 4 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 118.690.000 \text{ đồng.}$

$200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 4 \text{ tháng } 7 \text{ ngày} = 7.027.333 \text{ đồng.}$

Tổng cộng: 125.717.333 đồng.

Về trách nhiệm liên đới: Bà H trình bày cho chị T, anh H vay tiền để làm vốn kinh doanh xăng dầu nên yêu cầu anh H có trách nhiệm liên đới cùng chị T trả tiền vốn, lãi cho bà H. Xét thấy theo biên nhận ngày 10/02/2021 chỉ thể hiện người mượn tiền là chị T và chỉ có chữ ký và viết họ tên của chị T, không thể hiện mục đích vay tiền để làm gì và bà H cũng không có chứng cứ chứng minh mục đích vay tiền của chị T là để phục vụ chi tiêu trong gia đình (kinh doanh xăng dầu) và cũng không được chị T, anh H thừa nhận do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không buộc anh H liên đới trả nợ cho bà H tiền vốn, lãi theo biên nhận ngày 10/02/2021 là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh yêu cầu kháng cáo của chị là có căn cứ.

[2.3] Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ cũng như thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa nhưng cần sửa án sơ thẩm về lãi suất.

Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về lãi suất theo phân tích trên.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, Điều 293 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 429, Điều 463, 469 của Bộ luật dân sự

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo chị Nguyễn Nguyệt T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị H về việc yêu cầu chị Nguyễn Nguyệt T trả số tiền vốn là 3.200.000.000 đồng và tiền lãi.

Buộc chị Nguyễn Nguyệt T trả cho bà Đoàn Thị H số tiền vốn 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng), tiền lãi 125.717.333 đồng. Tổng cộng: 3.325.717.333 (Ba tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm mười bảy nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị H về việc yêu cầu anh Đỗ Thanh H liên đới cùng chị Nguyễn Nguyệt T trả số tiền vốn 3.200.000.000 đồng và tiền lãi.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí bà Đoàn Thị H đã nộp 55.520.000 đồng theo biên lai số 0000620 ngày 28/02/2022, biên lai số 0000960, ngày 29/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được chuyển thành án phí, bà Đoàn Thị H được nhận lại số tiền 55.220.000 đồng.

Bà Nguyễn Nguyệt T nộp 98.514.346 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Nguyệt T nộp tiền chi phí giám định là 13.200.000 đồng để hoàn trả cho bà Đoàn Thị H (bà H đã tạm ứng và chi xong)

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị T được nhận lại 300.000đồng theo biên lai số 0001092 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành